



Member of MSI Global Alliance



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

Đơn vị kiểm toán:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
**THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**  
**29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942**



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC</b>	02 - 04
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	05 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 49



**BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Cơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**I. CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Điện Cơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ Phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Điện Cơ (trực thuộc Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 88/1998/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 1998 và Quyết định số 82/1999/QĐ-BCN ngày 14 tháng 12 năm 1999 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301900678, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán công ty đại chúng niêm yết (hệ thống Upcom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 515/QĐ-SGDHN cấp ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 37.802.980.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023: 37.802.980.000 VND

- Trụ sở chính: Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và xây lắp

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Gia công, chế tạo, sửa chữa phục hồi trụ điện và các phụ kiện điện, dây điện, cáp điện, thiết bị điện;
- Xây lắp và cung cấp vật tư, thiết bị cho các công trình, đường dây, trạm điện và các dịch vụ khác có liên quan. Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng;
- Thi công lắp đặt đường dây, máy móc, trang thiết bị ngành viễn thông;
- Sản xuất, mua bán dây cáp, máy móc, trang thiết bị ngành viễn thông (trừ tái chế phế thải nhựa - kim loại). Thi công lắp đặt đường dây và trạm điện trên 110 KV;
- Mua bán và sửa chữa xe ô tô các loại (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng;
- Lập dự án đầu tư. Lập tổng dự toán và dự toán công trình;
- Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phân điện và thiết bị điện). Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn quản lý dự án. Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, thí nghiệm điện kế, thiết bị đo đếm, máy biến thế và các vật tư thiết bị ngành điện).

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là 3.957.530.010 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là 6.045.861.379 VND).
- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2023 là 30.995.684.210 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2022 là 30.288.948.938 VND).

**III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT****Các cổ đông**

Các cổ đông lớn bao gồm:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Loại cổ phần</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hồ Chí Minh TNHH	Phổ thông	1.068.432	10.684.320.000	28,26%
Công ty CP Tư vấn Giám sát Aurora	Phổ thông	566.000	5.660.000.000	14,97%
Nguyễn Duy Hải	Phổ thông	266.850	2.668.500.000	7,06%
Phạm Minh Tiến	Phổ thông	176.182	1.761.820.000	4,66%
Nguyễn Thị Hoa	Phổ thông	230.100	2.301.000.000	6,09%
Các cổ đông khác	Phổ thông	1.472.734	14.727.340.000	38,96%
<b>Cộng</b>		<b>3.780.298</b>	<b>37.802.980.000</b>	<b>100%</b>

**Hội đồng Quản trị**

Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị bao gồm:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
- Bà Bùi Thị Lưu Hào	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
- Ông Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
- Bà Đỗ Thị Mai Trang	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
- Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
- Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021 - Miễn nhiệm từ ngày 08/6/2023)

**Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
- Ông Nguyễn Duy Hải	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2020)
- Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám Đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020)

**Ban Kiểm soát**

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
- Bà Đoàn Thị Thu Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	(Miễn nhiệm từ ngày 08 tháng 06 năm 2023)
- Bà Lê Thị Việt Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 06 năm 2023)
- Ông Trương Quốc Nghĩa	Thành viên Ban Kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2019)
- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 06 năm 2023)

**Kế toán trưởng**

- Ông Ngô Nhật Minh	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2021)
---------------------	--------------------------------------

**Đại diện pháp luật**

- Ông Nguyễn Duy Hải	Giám đốc
----------------------	----------

**V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam ( AASCS ) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

**VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Điện Cơ phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**TM. Ban Giám đốc**



**NGUYỄN DUY HẢI**

**Giám Đốc**



Số: 263.../BCKT-TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Điện Cơ tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Điện Cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác. Tại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ Phần Điện Cơ số 145/BCKT/TC ngày 29 tháng 03 năm 2023, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

**LÊ ĐÌNH ÁI**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 3770-2023-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Kiểm toán viên

**TRẦN NGUYỄN HOÀNG MAI**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 1755-2023-142-1

0117  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
PHỐ

0117  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
PHỐ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.735.589.317</b>	<b>71.897.043.476</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>14.707.817.906</b>	<b>13.123.951.277</b>
Tiền	111		14.707.817.906	13.123.951.277
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.4	<b>-</b>	<b>1.406.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.406.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.841.253.508</b>	<b>29.556.904.590</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.839.416.285	25.167.089.012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.044.858.290	5.419.024.815
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.478.084.313	7.701.740.381
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.521.105.381)	(8.730.949.618)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>28.204.530.700</b>	<b>27.621.428.282</b>
Hàng tồn kho	141		30.434.312.456	29.706.163.703
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.229.781.756)	(2.084.735.421)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>981.987.203</b>	<b>188.759.327</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	89.868.750	188.759.327
Thuế GTGT được khấu trừ	152		892.118.453	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.142.476.381</b>	<b>74.077.664.974</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>38.347.932.500</b>	<b>2.123.488.765</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	38.347.932.500	2.123.488.765
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.023.620.086</b>	<b>6.927.672.451</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	9.023.620.086	6.927.672.451
- Nguyên giá	222		31.376.417.482	27.292.235.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.352.797.396)	(20.364.563.087)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>3.550.387.293</b>	<b>4.057.585.473</b>
- Nguyên giá	231		12.679.954.545	12.679.954.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.129.567.252)	(8.622.369.072)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>-</b>	<b>480.000.000</b>
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	480.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.4</b>	<b>51.123.875.353</b>	<b>60.385.525.074</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		160.000.000	160.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.124.647)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	60.225.525.074
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>96.661.149</b>	<b>103.393.211</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	-	6.732.062
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	96.661.149	96.661.149
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>162.878.065.698</b>	<b>145.974.708.450</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>86.695.687.969</b>	<b>70.499.065.993</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.085.577.914</b>	<b>49.351.455.938</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	19.260.071.038	12.949.826.527
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	15.027.094.021	6.294.752.397
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	10.978.500.066	3.963.854.808
Phải trả người lao động	314		46.630.029	175.372.561
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.639.466.055	5.367.398.885
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.106.956.608	1.269.537.026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	20.225.000.000	18.951.169.405
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		801.860.097	379.544.329
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.610.110.055</b>	<b>21.147.610.055</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.18	11.147.610.055	21.147.610.055
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	1.462.500.000	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.12	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.182.377.729</b>	<b>75.475.642.457</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>76.182.377.729</b>	<b>75.475.642.457</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	37.802.980.000	37.802.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.20	37.802.980.000	37.802.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.20	1.387.013.966	1.387.013.966
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	5.996.699.553	5.996.699.553
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	30.995.684.210	30.288.948.938

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.038.154.200	24.243.087.559
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.957.530.010	6.045.861.379
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>162.878.065.698</b>	<b>145.974.708.450</b>

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





ĐINH THỊ THUY

NGÔ NHẬT MINH

NGUYỄN DUY HẢI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.592.398.865	96.131.925.985
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>60.592.398.865</b>	<b>96.131.925.985</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	49.401.361.362	78.939.394.175
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>11.191.037.503</b>	<b>17.192.531.810</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.746.496.328	5.107.175.539
Chi phí tài chính	22	VI.5	2.109.077.477	1.539.426.242
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.072.952.830	1.537.307.742
Chi phí bán hàng	25	VI.8	4.165.564.445	6.667.235.037
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	6.260.112.262	6.615.862.840
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.402.779.648</b>	<b>7.477.183.230</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	414.272.432	232.678.823
Chi phí khác	32	VI.7	726.711.932	86.002.021
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(312.439.500)</b>	<b>146.676.802</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.090.340.148</b>	<b>7.623.860.032</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.132.810.138	1.577.998.653
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.957.530.010</b>	<b>6.045.861.379</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	887	1.450
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	887	1.450

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





ĐINH THỊ THUY

NGÔ NHẬT MINH

NGUYỄN DUY HẢI

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.090.340.148	7.623.860.032
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.495.432.489	2.378.133.229
- Các khoản dự phòng	03		(28.673.256)	909.928.555
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.746.496.328)	(5.179.902.811)
- Chi phí lãi vay	06		2.072.952.830	1.537.307.742
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.883.555.883	7.269.326.747
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(24.191.066.868)	(5.212.738.147)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(728.148.753)	(592.958.939)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		9.258.956.875	13.989.604.723
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		105.622.639	(55.866.162)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.072.952.830)	(1.524.984.375)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(182.270.370)	(1.010.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.926.303.424)	12.862.233.847
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.604.181.944)	(1.252.744.900)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	72.727.272
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(35.631.525.074)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.406.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		60.225.525.074	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.746.496.328	4.493.380.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.773.839.458	(32.318.162.614)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		35.512.850.879	45.166.162.007
Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.776.520.284)	(47.914.697.693)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.798.508.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.736.330.595	(4.547.044.036)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.583.866.629	(24.002.972.803)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.123.951.277	37.126.924.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	14.707.817.906	13.123.951.277

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

ĐINH THỊ THỦY

NGÔ NHẬT MINH



NGUYỄN DUY HẢI



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện Cơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ Phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp Điện Cơ (trực thuộc Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 88/1998/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 1998 và Quyết định số 82/1999/QĐ-BCN ngày 14 tháng 12 năm 1999 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301900678, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán công ty đại chúng niêm yết (hệ thống Upcom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 515/QĐ-SGDHN cấp ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 37.802.980.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023: 37.802.980.000 VND

Trụ sở chính: Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 61 người.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và xây lắp

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Gia công, chế tạo, sửa chữa phục hồi trụ điện và các phụ kiện điện, dây điện, cáp điện, thiết bị điện;
- Xây lắp và cung cấp vật tư, thiết bị cho các công trình, đường dây, trạm điện và các dịch vụ khác có liên quan. Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng;
- Thi công lắp đặt đường dây, máy móc, trang thiết bị ngành viễn thông;
- Sản xuất, mua bán dây cáp, máy móc, trang thiết bị ngành viễn thông (trừ tái chế phế thải nhựa - kim loại). Thi công lắp đặt đường dây và trạm điện trên 110 KV;
- Mua bán và sửa chữa xe ô tô các loại (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng;
- Lập dự án đầu tư. Lập tổng dự toán và dự toán công trình;
- Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị điện). Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn quản lý dự án. Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, thí nghiệm điện kế, thiết bị đo đếm, máy biến thế và các vật tư thiết bị ngành điện).

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng****5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không****6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Không phát sinh					

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty liên kết:</b>					
<i>Công ty Cổ Phần Sunny Sài Gòn</i>	<i>Tầng 6, 628C Xa lộ Hà Nội, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.</i>	<i>30,0%</i>	<i>0,0%</i>	<i>30,0%</i>	<i>0,0%</i>

**Cơ sở đồng kiểm soát:**

*Không có*

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

*Trung tâm sản xuất Công ty CP Điện Cơ Số 124 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Tp.HCM*

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.



- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### c. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.



**7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

#### **c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**23. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

**24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**25. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**26. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

## 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt (*)	4.081.024.807	3.173.429.430
- Tiền gửi ngân hàng (**)	10.626.793.099	9.950.521.847
<b>Cộng</b>	<b>14.707.817.906</b>	<b>13.123.951.277</b>

(\*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt và biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2023.

(\*\*) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2023 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch.

## 2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng khác</b>	<b>9.964.457.210</b>	<b>11.375.219.127</b>
Công ty TNHH Xây dựng Công trình điện Thương mại Thuận Phát	544.082.816	659.737.191
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đường Cao Tốc Việt Nam - Công ty TNHH	694.840.952	694.840.952
Tổng Công ty Xây Dựng Trường Sơn	2.123.504.890	3.801.801.827
Công ty TNHH KT Cơ Điện Lạnh Số Tám P.E.R 8	1.422.918.000	1.422.918.000
Công ty CP XD & Kinh Doanh Nhà Tân An Huy	2.960.300.425	2.960.300.425
Các khách hàng khác	2.218.810.127	1.835.620.732
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>874.959.075</b>	<b>13.791.869.885</b>
Công ty Điện Lực Bình Dương		3.468.412.516
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới Điện Phân Phối TP.HCM		8.330.886.892
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới Điện Cao Thế TP.HCM	823.546.007	869.959.461
Các khách hàng khác là bên liên quan	51.413.068	1.122.611.016
<b>Cộng</b>	<b>10.839.416.285</b>	<b>25.167.089.012</b>

## 3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>7.001.097.688</b>	<b>5.375.264.213</b>
Công ty TNHH Xây dựng Điện Hoàng Dương	1.224.207.600	1.268.969.018
Công ty TNHH Xây dựng Điện - Thương mại Rạng Đông	2.833.075.371	2.497.611.271
Công ty TNHH Vận tải Dương Thông		521.078.724
Công ty CP Cấp điện Thịnh Phát		157.657.462
Công ty TNHH Xây Lắp Điện Đoàn Gia	1.191.805.870	
Trả trước cho người bán khác	1.752.008.847	929.947.738
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>43.760.602</b>	<b>43.760.602</b>
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực Tp.HCM	20.641.624	20.641.624
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	23.118.978	23.118.978
<b>Cộng</b>	<b>7.044.858.290</b>	<b>5.419.024.815</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****4.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.406.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	1.406.000.000	1.406.000.000
- Đầu tư mua trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>1.406.000.000</b>	<b>1.406.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	60.225.525.074	60.225.525.074
- Đầu tư mua trái phiếu	-	-	60.225.525.074	60.225.525.074
+ Công ty CP Tonkin Land (*)	-	-	60.225.525.074	60.225.525.074
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>60.225.525.074</b>	<b>60.225.525.074</b>

(\*) Đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Tonkin Land phát hành có mã là TKLCH2225001 với mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu thông qua Đại lý lưu ký là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank theo Hợp đồng đại lý phát hành và phân phối trái phiếu số 02/2022/HDDLPP/NVS-TKL ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển nhượng số 02/2022/HDDDLK/NVS-TKL. Các biện pháp bảo đảm (do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội là tổ chức nhận thế chấp, quản lý tài sản đảm bảo) bao gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 234576 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho Công ty TNHH Thương mại Du lịch Mặt trời Buổi sáng ngày 29 tháng 12 năm 2004 tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, diện tích 90.195 m<sup>2</sup>; Quyền tài sản phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh tài sản bảo đảm; Giá trị tài sản đảm bảo dự tính là 404.214.000.000 VND.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Tonkin Land đã mua lại toàn bộ số lượng trái phiếu được đầu tư tại Công ty theo công văn số 3011-01/2023/CV/TKL ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc thông báo về đợt mua lại trái phiếu trước hạn. Tuy nhiên, tiền lãi phát sinh từ đợt thanh toán lãi gần nhất đến thời điểm mua lại chưa được Công ty Cổ phần Tonkin Land thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
				Dự phòng
a. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	51.000.000.000	-	51.000.299.715	-
Công ty Cổ Phần Sunny Sài Gòn (*)	51.000.000.000	-	51.000.299.715	-
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	160.000.000	36.124.647	123.875.353	160.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh (**)	160.000.000	36.124.647	123.875.353	160.000.000
<b>Cộng</b>	<b>51.160.000.000</b>	<b>36.124.647</b>	<b>51.124.175.068</b>	<b>160.000.000</b>

**Ghi chú:**

(\*) Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 05/QĐ-ĐC-HĐQT ngày 04/12/2023, về việc góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ Phần Sunny Sài Gòn với số vốn góp là 51.000.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 30% trên tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Sunny Sài Gòn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2023 được lập ngày 29/02/2024 của Công ty Cổ Phần Sunny Sài Gòn.

(\*\*) Công ty hiện đang sở hữu 16.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá phát hành 10.000 đồng / cổ phần theo Chứng nhận cổ đông của Công ty Cổ Phần Ô tô Kim Thanh phát hành ngày 03/09/2008. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2023 được lập ngày 12/01/2024 của Công ty Cổ Phần Ô Tô Kim Thanh.

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Xem thuyết minh VIII.1



## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5.1.Ngắn hạn</b>	<b>19.191.964,00</b>	<b>7.478.084.313</b>	<b>351.907.899</b>	<b>7.701.740.381</b>	<b>351.907.899</b>
Tạm ứng		323.313.620	-	152.415.400	-
Tổng Công ty Điện Lực TP. Hồ Chí Minh		316.061.200	-	316.061.200	-
Thuế nộp thừa chờ xử lý		5.380.940.481	-	5.380.940.481	-
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu		-	-	33.666.959	-
Lãi trái phiếu dự thu		760.657.534	-	976.438.356	-
Phải thu ngắn hạn khác		332.715.935	332.715.935	332.715.935	332.715.935
Trợ cấp từ Bảo hiểm xã hội		19.191.964	19.191.964	19.191.964	19.191.964
BHXH nộp thừa		-	-	490.310.086	-
Công ty TNHH Xây Dựng Điện Hoàng Dương		28.960.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thiết Bị Điện Ngân Trường		14.747.310	-	-	-
Nguyễn Ngọc Tòà		177.403.059	-	-	-
Nguyễn Bá Cảnh		72.057.210	-	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Điện Thái Cung.		52.036.000	-	-	-
<b>5.2.Dài hạn</b>		<b>38.347.932.500</b>	<b>-</b>	<b>2.123.488.765</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ		38.347.932.500	-	2.080.988.765	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		-	-	10.845.038	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (*)		1.856.432.500	-	2.070.143.727	-
- Công ty Cổ phần MBLand Tonkin (**)		36.489.000.000	-	-	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác		2.500.000	-	42.500.000	-
<b>Cộng</b>		<b>45.826.016.813</b>	<b>-</b>	<b>9.825.229.146</b>	<b>-</b>

(\*) Tổng các khoản ký quỹ bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

(\*\*) Các khoản đặt cọc theo các hợp đồng đặt cọc số 06-12/23/P102/HĐĐC ngày 18/12/2023, hợp đồng đặt cọc số 05-12/23/L10/HĐĐC ngày 18/12/2023 và hợp đồng đặt cọc số 04-12/23/P102/HĐĐC ngày 18/12/2023 để giữ quyền được ký kết hợp đồng mua bán các bất động sản đầu tư thuộc dự án do Công ty Cổ phần MBLand Tonkin làm chủ đầu tư.

## 6. NỢ XẤU

	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm	Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	<b>8.594.206.338</b>	<b>73.100.957</b>	<b>10.965.801.913</b>	<b>2.234.852.295</b>	
<i>Chi tiết:</i>					
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>7.749.830.336</b>	<b>73.100.957</b>	<b>10.121.425.911</b>	<b>2.218.952.295</b>	
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đường Cao Tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	694.840.952	-	694.840.952	208.452.286	
Tổng Công ty Xây Dựng Trường Sơn	2.123.504.890	-	3.801.801.827	1.140.540.548	
Công ty TNHH KT Cơ Điện Lạnh Số Tám P.E.R	1.422.918.000	-	1.422.918.000	-	
Công ty CP XD & Kinh Doanh Nhà Tân An Huy	1.812.690.370	-	1.812.690.370	-	

	Số cuối năm Giá gốc	Số cuối năm Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm Giá gốc	Số đầu năm Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
CN Tổng Công Ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công Ty Điện Lực Chợ Lớn	30.461.068	-	-	-	
Các khách hàng khác	1.665.415.056	73.100.957	2.389.174.762	869.959.461	
Trà trước cho người bán ngắn hạn	492.812.846	-	492.812.846	15.900.000	
Công ty TNHH Khang Phú	100.693.851	-	100.693.851	-	
Công ty TNHH XD & TV Thiên Anh	99.405.555	-	99.405.555	-	
Các nhà cung cấp khác	292.713.440	-	292.713.440	15.900.000	
Phải thu ngắn hạn khác	351.563.156	-	351.563.156	-	
Xi nghiệp Xây lắp	206.828.485	-	206.828.485	-	
Các nhà cung cấp khác	144.734.671	-	144.734.671	-	
<b>Cộng</b>	<b>8.594.206.338</b>	<b>73.100.957</b>	<b>10.965.801.913</b>	<b>2.234.852.295</b>	

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	12.194.861.324	2.229.781.756	11.893.520.070	2.084.735.421
- Công cụ, dụng cụ	58.846.352	-	65.283.867	-
- Chi phí SXKD dở dang (*)	11.539.095.630	-	9.951.795.490	-
- Thành phẩm	6.641.509.150	-	7.795.564.276	-
<b>Cộng</b>	<b>30.434.312.456</b>	<b>2.229.781.756</b>	<b>29.706.163.703</b>	<b>2.084.735.421</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không phát sinh
- Lý do trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh

**(\*): Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xây lắp đường dây và TBA trên địa bàn Long An	265.452.249	-	3.319.857.704	-
HĐ 134/2020/HĐ-EVN-SPC-LDEMEC-TVDMN ngày 25-08-2020- XL đường dây & trạm biến áp phân phối Thuận An, Dĩ An, Bình Dương( TP3-GĐ1)	5.718.546.792	-	2.437.811.924	-
HĐ 257/2020/HĐ-EVN-SPC-DIENCO-RANGDONG-Xây lắp đường dây & trạm biến áp PP TP Tân An, TX Kiến Tường, tỉnh Long An	790.702.879	-	1.419.100.328	-
HĐ 5086/2020/HĐ-ALĐPP-ĐC- Ngâm hóa lưới điện Hiền Vương	2.547.431.322	-	1.090.421.818	-

HĐ 5247/2020/HĐ-ALĐPP-ĐC-TD - Nâng cấp hoàn thiện lưới điện trung thế Rạch Tra và Nhị Bình	3.880.000	-	-	-
HĐ 357/2021/HĐ-ALĐPP-ĐC-TD - Cải tạo, XDM nổi tuyến trung thế Quận 12 năm 2020	1.287.186.427	-	-	-
HĐ75/HĐXD-PCBD CT đường dây trung hạ thế và TBA tăng cường cấp điện thuộc địa bàn QLVH ĐL Thủ Dầu Một 2022	-	-	1.553.182.718	-
HĐ 78/HĐXD-PCBD CT đường dây trung hạ thế và TBA tăng cường cấp điện thuộc địa bàn QLVH ĐL Tân Uyên 2022	9.233.871	-	77.513.066	-
HĐ 3129/2023/HĐ-PCHM- ĐC :Thi công XD và mua bảo hiểm XDCT "Bồi thường hiện trạng lưới điện, hỗ trợ tái định cư đường VĐ3-ĐLHM"	916.662.090	-	-	-
Khấu hao XNXL	-	-	42.675.066	-
HĐ 1049/2022/HĐ-DVĐL-DIENCO Thi công XL trồng trụ CCVTTB trồng trụ ĐL	-	-	11.232.866	-
<b>Cộng</b>	<b>11.539.095.630</b>	<b>-</b>	<b>9.951.795.490</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

**Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	480.000.000
<i>Dảm giá công trực</i>	-	480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>480.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	7.857.308.188	16.342.045.096	2.602.801.258	439.535.541	50.545.455	27.292.235.538
Số tăng trong năm	1.486.631.944	250.400.000	2.347.150.000	-	-	4.084.181.944
- Mua trong năm	-	250.400.000	2.347.150.000	-	-	2.597.550.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.486.631.944	-	-	-	-	1.486.631.944
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	9.343.940.132	16.592.445.096	4.949.951.258	439.535.541	50.545.455	31.376.417.482
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.309.442.426	11.193.303.214	2.371.736.451	439.535.541	50.545.455	20.364.563.087
Số tăng trong năm	428.106.985	1.337.314.299	222.813.025	-	-	1.988.234.309
- Khấu hao trong năm	428.106.985	1.337.314.299	222.813.025	-	-	1.988.234.309
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	6.737.549.411	12.530.617.513	2.594.549.476	439.535.541	50.545.455	22.352.797.396
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	1.547.865.762	5.148.741.882	231.064.807	-	-	6.927.672.451
Tại ngày cuối năm	2.606.390.721	4.061.827.583	2.355.401.782	-	-	9.023.620.086

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay : 2.176.003.647 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 13.290.483.670 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý : 0 đồng
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai : không phát sinh
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình : không phát sinh



## 10 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>12.679.954.545</b>	-	-	<b>12.679.954.545</b>
- Quyền sử dụng đất		-	-	-
- Nhà	12.679.954.545	-	-	12.679.954.545
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>8.622.369.072</b>	<b>507.198.180</b>	-	<b>9.129.567.252</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.622.369.072	507.198.180	-	9.129.567.252
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>4.057.585.473</b>	-	-	<b>4.057.585.473</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4.057.585.473	-	-	4.057.585.473
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay : 0 đồng

- Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá : 0 đồng

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác : không phát sinh

## 11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>11.1. Ngắn hạn</b>		
- CCDC xuất dùng	-	63.800.007
- Chi phí khác	89.868.750	124.959.320
+ Chi phí bảo trì, quản lý tài sản cố định	14.025.000	-
+ Các khoản khác	75.843.750	124.959.320
<b>Cộng</b>	<b>89.868.750</b>	<b>188.759.327</b>
<b>11.2. Dài hạn</b>		
- CCDC xuất dùng	-	1.734.843
- Chi phí bảo trì, quản lý tài sản cố định	-	4.997.219
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.732.062</b>

## 12 . THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (*)	96.661.149	96.661.149
<b>Cộng</b>	<b>96.661.149</b>	<b>96.661.149</b>

(\*) Khoản lỗ tính thuế phát sinh từ 2006 thể hiện giá trị khấu hao nhưng chưa đưa vào sử dụng của Bất động sản đầu tư xây nhà dựng nhà ô tô Kim Thanh, có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 96.661.149 VND.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho Báo cáo tài chính kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và không tính đến ảnh hưởng của khoản chi phí này.





## 13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	20.225.000.000	20.225.000.000	33.937.850.879	32.664.020.284	18.951.169.405	18.951.169.405
- Vay ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	33.712.850.879	32.664.020.284	18.951.169.405	18.951.169.405
- Vay dài hạn đến hạn trả	225.000.000	225.000.000	225.000.000			
<b>b. Vay dài hạn</b>	1.462.500.000	1.462.500.000	1.800.000.000	337.500.000	-	-
- Vay dài hạn	1.462.500.000	1.462.500.000	1.800.000.000	337.500.000	0	0
<b>Cộng</b>	21.687.500.000	21.687.500.000	35.737.850.879	33.001.520.284	18.951.169.405	18.951.169.405

Chi tiết vay và nợ thuế tài chính tại ngày 31/12/2023

## Đối tượng

Dư nợ gốc vay - Thời hạn vay

## a. Vay ngắn hạn

20.225.000.000

## Vay ngắn hạn

(1) Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam 20.000.000.000 9 tháng theo từng giấy nhận nợ

## Vay dài hạn đến hạn trả

225.000.000

(2) Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - CN Đông Sài Gòn

## Cộng vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả

## b. Vay dài hạn

1.462.500.000,00

(2) Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - CN Đông Sài Gòn 1.462.500.000 Từ 12/06/2023 đến 12/06/2031

## Cộng vay ngắn hạn và vay dài hạn

21.687.500.000

## Ghi chú:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đ6 Thành số 112-00010897.06326/2023/HHTD ngày 27/09/2023 Hạn mức giao dịch 60.000.000.000 đồng, bao gồm, hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh, L/C là 20.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng ngoại bảng là 40.000.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 120 ngày kể từ ngày 15/09/2023
- Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh/ Phát hành bảo lãnh/ L/C của khách hàng.
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ.
- (2) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - CN Đông Sài Gòn số DSG/HHTD/DIENCO/CORP/202306 ngày 08/06/2023
- Số tiền vay: 1.800.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Mục đích vay: Mua xe ô tô;
- Lãi suất vay: 10,59%/năm trong suốt thời hạn vay;
- Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ khoản vay.



## 14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>14.1. Ngắn hạn</b>	<b>19.085.874.548</b>	<b>19.085.874.548</b>	<b>12.949.826.527</b>	<b>12.949.826.527</b>
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả				
Công Ty TNHH Xây Dựng Điện Hoàng Dương	2.776.472.726	2.776.472.726	-	-
Công Ty Cổ Phần Bê Tông Xây Dựng A+	-	-	567.000.000	567.000.000
Cty TNHH TM Dịch Vụ Xây Dựng Xuân Hương	418.192.292	418.192.292	418.192.292	418.192.292
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Fico	561.666.537	561.666.537	200.446.455	200.446.455
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Huỳnh Lê	254.294.752	254.294.752	371.294.752	371.294.752
Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Điện Thái Cung.	798.579.663	798.579.663	1.289.309.943	1.289.309.943
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thiết Bị Điện Ngân Trường	578.231.295	578.231.295	461.131.876	461.131.876
Công Ty TNHH Xây Dựng Thuận Hòa	688.438.239	688.438.239	688.438.239	688.438.239
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Đúc Hoà Bình	1.059.236.200	1.059.236.200	99.333.300	99.333.300
Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Năng Lượng Thiên Sơn	2.199.213.044	2.199.213.044	3.437.356.346	3.437.356.346
Công Ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Thiên Đỉnh	2.337.638.006	2.337.638.006	2.337.638.006	2.337.638.006
Công Ty Cổ Phần Thép Povina	2.406.903.543	2.406.903.543	87.190.400	87.190.400
Các đối tượng khác	5.007.008.251	5.007.008.251	2.992.494.918	2.992.494.918
<b>14.2. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>14.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>14.4. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>174.196.490</b>	<b>174.196.490</b>	-	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Sài Gòn	174.196.490	174.196.490	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.260.071.038</b>	<b>24.267.079.289</b>	<b>12.949.826.527</b>	<b>15.942.321.445</b>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Khoản mục

Số cuối năm

Số đầu năm

Giá trị

Số có khả năng  
trả nợ

Giá trị

Số có khả năng trả  
nợ

15.1. Ngắn hạn

11.383.760.619

11.383.760.619

814.347.118

814.347.118

- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng người mua trả tiền trước

Công ty TNHH TM DV Xây  
dựng Điện Trường Thành

45.251.536

45.251.536

185.087.166

185.087.166

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh  
Doanh Điện Lực Thành Phố Hồ  
Chí Minh

706.533.546

706.533.546

Công ty CP Đầu tư Xây dựng  
Công nghiệp Tàu thủy

343.000.000

343.000.000

343.000.000

343.000.000

Công ty Kim Huỳnh

146.805.400

146.805.400

146.805.400

146.805.400

Công ty TNHH Thương Mại Du  
Lịch Mặt Trời Buổi Sáng

9.999.046.300

9.999.046.300

- Các đối tượng người mua trả  
trước ngắn hạn khác

143.123.837

143.123.837

139.454.552

139.454.552

15.2. Dài hạn

-

-

-

-

15.3. Người mua trả tiền trước  
là các bên liên quan

3.643.333.402

3.643.333.402

5.480.405.279

5.480.405.279

Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện  
Lực Thành Phố Hồ Chí Minh  
TNHH - Ban Quản Lý Dự Án  
Lưới Điện Phân Phối Thành Phố  
Hồ Chí Minh

516.914.842

516.914.842

Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện  
Lực Thành Phố Hồ Chí Minh  
TNHH - Công Ty Điện Lực Hóc  
Môn

1.418.504.612

1.418.504.612

Tổng Công ty Điện Lực Miền  
Nam TNHH

1.707.913.948

1.707.913.948

5.480.405.279

5.480.405.279

Cộng

15.027.094.021

15.027.094.021

6.294.752.397

6.294.752.397

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số đầu năm

Số phải nộp  
trong năm

Số đã thực nộp  
trong năm

Số cuối năm

Thuế và các khoản phải nộp

Thuế giá trị gia tăng

840.976.685

2.032.409.763

1.153.271.354

1.720.115.094

Thuế thu nhập doanh nghiệp

3.072.829.569

1.132.810.138

-

4.205.639.707

Thuế thu nhập cá nhân

50.048.550

64.122.950

-

114.171.500

Tiền thuê đất+Thuế sử dụng đất

4

5.021.404.595

82.830.834

4.938.573.765

Thuế khác

-

149.498.994

149.498.994

-

Cộng

3.963.854.808

8.400.246.440

1.385.601.182

10.978.500.066

*Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

- Trích trước lương tháng 13
- Trích trước chi phí công trình
- Trích trước chi phí lãi vay
- Trích trước chi phí khác

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	833.797.776	1.154.945.059
	2.805.668.279	4.169.481.257
	-	28.567.043
	-	14.405.526
<b>Cộng</b>	<b>3.639.466.055</b>	<b>5.367.398.885</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

**a. Ngắn hạn**

**Ngắn hạn**

- Phải thu khác (số dư có)
- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	27.733.871	27.825.871
	126.093.685	41.001.389
	90.889.190	24.136.180
	95.995.590	-
	16.938.765	74.986.815
	7.491.320	4.775.531
	3.723.374.300	1.089.150.700
	18.439.887	-
<b>Cộng</b>	<b>4.106.956.608</b>	<b>1.269.537.026</b>

**b. Dài hạn**

Nhận ký quỹ ký cược dài hạn

+ Công ty Cổ Phần Ô Tô Kim Thanh - Bên liên quan

Phải trả vật tư Công ty CP XD & Kinh Doanh Nhà Tân An Huy

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	10.000.000.000	20.000.000.000
	10.000.000.000	20.000.000.000
	1.147.610.055	1.147.610.055
<b>Cộng</b>	<b>11.147.610.055</b>	<b>21.147.610.055</b>

**19 . QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

**Số đầu năm**

Tăng do trích lập từ lợi nhuận

Chi các quỹ

Điều chỉnh khác

**Số cuối năm**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>379.544.329</b>	<b>826.959.682</b>
	604.586.138	562.734.647
	(182.270.370)	(1.010.150.000)
	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>801.860.097</b>	<b>379.544.329</b>

## 20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>37.802.980.000</b>		<b>1.387.013.966</b>	-	<b>5.996.699.553</b>	-	<b>26.695.971.206</b>	<b>71.882.664.725</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	6.045.861.379	6.045.861.379
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.452.883.647)	(2.452.883.647)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>37.802.980.000</b>		<b>1.387.013.966</b>	-	<b>5.996.699.553</b>	-	<b>30.288.948.938</b>	<b>75.475.642.457</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3.957.530.010	3.957.530.010
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(3.250.794.738)	(3.250.794.738)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>37.802.980.000</b>		<b>1.387.013.966</b>	-	<b>5.996.699.553</b>	-	<b>30.995.684.210</b>	<b>76.182.377.729</b>

(\*) - Giảm khác Lợi nhuận chưa phân phối trong năm: Phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2023 của Công ty CP Điện Cơ.

20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	0,00%		0,00%	
Vốn góp của các đối tượng khác	100,00%	37.802.980.000	100,00%	37.802.980.000
<b>Cộng</b>		<b>37.802.980.000</b>		<b>37.802.980.000</b>

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
- Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hồ Chí Minh TNHH	28,26%	10.684.320.000	28,26%	10.684.320.000
- Công ty CP Tư vấn Giám sát Aurora	15,50%	5.660.000.000	15,50%	5.860.000.000
- Nguyễn Duy Hải	7,06%	2.668.500.000	7,06%	2.668.500.000
- Phạm Minh Tiến	4,66%	1.761.820.000	5,85%	2.211.820.000
- Nguyễn Thị Hoa	6,09%	2.301.000.000	0,00%	1.000.000
- Các cổ đông khác	38,96%	14.727.340.000	43,32%	16.377.340.000
<b>Cộng</b>		<b>37.802.980.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>37.802.980.000</b>

### 20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	37.802.980.000	37.802.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	37.802.980.000	37.802.980.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm trước	2.646.208.600	

### 20.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.780.298	3.780.298
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.780.298	3.780.298
+ Cổ phiếu phổ thông	3.780.298	3.780.298
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.780.298	3.780.298
+ Cổ phiếu phổ thông	3.780.298	3.780.298
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

### 20.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		7,00%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

### 20.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.996.699.553	5.996.699.553
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**21.1. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang theo các hợp đồng thuê đất để làm trụ sở văn phòng và nhà xưởng như sau:

Công ty ký hợp đồng số 3057/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 17/04/2006 với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, để thuê đất tại địa chỉ số 6 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh (phần nằm phía ngoài), diện tích thuê 2.846,4 m2, trong đó có 2.565,4 m2 đất ngoài phạm vi lộ giới để sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD866568 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 05/01/2011. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 17/3/2056, tiền thuê đất được trả hàng năm. Đơn giá thuê đất được Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh xác định và thông báo tại từng thời kỳ .

Công ty ký hợp đồng số 8746/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 18/10/2007 với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, để thuê đất tại địa chỉ số 6 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh (phần nằm phía trong), diện tích thuê 1.413 m2 để sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK387441 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 22/10/2007. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 31/08/2057, tiền thuê đất được trả hàng năm. Đơn giá thuê đất được Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh xác định và thông báo tại từng thời kỳ .

Công ty ký hợp đồng số 3388/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 25/04/2006 với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, để thuê đất tại địa chỉ số 124 đường Tô Ký, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích thuê 10.385,6 m2 để sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ734363 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 20/4/2006. Thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 31/12/2020, được gia hạn thời gian sử dụng đất đến hết ngày 31/12/2025 theo Quyết định số 1134/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/3/2023. Tiền thuê đất được trả hàng năm, đơn giá thuê đất được Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh xác định và thông báo tại từng thời kỳ .

**21.2. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	-	-
- EUR	-	-

**21.3. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

#### 1.1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	79.031.750	7.710.000
- Doanh thu bán các thành phẩm	24.554.440.469	45.366.529.422
- Doanh thu xây lắp	26.868.017.556	41.950.049.473
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.090.909.090	8.807.637.090
<b>Cộng</b>	<b>60.592.398.865</b>	<b>96.131.925.985</b>

#### 1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

##### Đối tượng

Xem thuyết minh chi tiết tại VIII.1.2

##### Cộng

	Năm nay	Năm trước
<b>Cộng</b>	<b>46.160.613.201</b>	<b>76.308.284.563</b>

### 2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	66.015.147	19.511.210
- Giá vốn bán các thành phẩm	19.973.659.915	28.290.478.180
- Giá vốn xây lắp	25.135.576.457	44.821.559.293
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.226.109.843	5.807.845.492
<b>Cộng</b>	<b>49.401.361.362</b>	<b>78.939.394.175</b>

### 4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.624.142	89.528.548
- Lãi trái phiếu	6.709.872.186	5.017.646.991
<b>Cộng</b>	<b>6.746.496.328</b>	<b>5.107.175.539</b>

### 5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	2.072.952.830	1.537.307.742
- Phí phát hành thư bảo lãnh	-	2.118.500
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	36.124.647	-
<b>Cộng</b>	<b>2.109.077.477</b>	<b>1.539.426.242</b>

### 6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, tiền nước và dịch vụ cho thuê kho	104.203.860	74.874.600
Thu thanh lý tài sản cố định	-	72.727.272
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	44.240.873
Thu hoàn tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	25.000.000
Thu phạt nhân viên	17.000.000	-
Bán hàng	8.896.732	15.836.078
Xử lý thừa thiếu kiểm kê	29.469.303	-
Thu hồi vật tư thừa nhập kho	254.702.537	-
<b>Cộng</b>	<b>414.272.432</b>	<b>232.678.823</b>



## 7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền điện, tiền nước và dịch vụ cho thuê kho	104.203.860	74.895.559
Phạt vi phạm hợp đồng	14.047.007	-
Phạt vi phạm hành chính	11.591.944	-
Chi phí khác	507.638.915	11.106.462
Xử lý thừa thiếu kiểm kê	89.230.206	-
<b>Cộng</b>	<b>726.711.932</b>	<b>86.002.021</b>

## 8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>8.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.266.673.028	3.130.538.638
- Chi phí khấu hao	366.687.008	148.615.281
- Thuế, phí, lệ phí	149.498.994	4.000.000
- Chi phí dự phòng	119.459.866	909.928.555
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	(329.304.103)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.123.680	337.068.096
- Chi phí khác bằng tiền	1.694.973.789	2.085.712.270
<b>Cộng</b>	<b>6.260.112.262</b>	<b>6.615.862.840</b>
<b>8.2. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân công	1.680.402.608	2.116.828.422
- Chi phí khác bằng tiền	2.485.161.837	4.550.406.615
<b>Cộng</b>	<b>4.165.564.445</b>	<b>6.667.235.037</b>

## 9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.728.219.929	42.813.978.642
- Chi phí nhân công	8.918.504.186	11.032.636.121
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.495.432.489	2.378.133.229
- Thuế, phí, lệ phí	5.011.961.680	-
- Chi phí dự phòng	264.506.201	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.016.550.875	11.595.382.482
- Chi phí bằng tiền khác	17.407.771.330	28.053.649.610
<b>Cộng</b>	<b>65.842.946.690</b>	<b>95.873.780.084</b>

## 10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.090.340.148	7.623.860.032
Các khoản điều chỉnh tăng	573.710.543	266.133.231
- Các khoản chi không được trừ khi tính thuế TNDN	573.710.543	266.133.231
+ Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	519.230.859	266.133.231
+ Chi phí khấu hao vượt xe ô tô dưới 9 chỗ phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ	54.479.684	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế	5.664.050.691	7.889.993.263
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.132.810.138	1.577.998.653
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.132.810.138</b>	<b>1.577.998.653</b>

**11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.957.530.010	6.045.861.379
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.957.530.010	6.045.861.379
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	604.586.138	562.734.647
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.780.298	3.780.298
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>887</b>	<b>1.450</b>

**13. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.957.530.010	6.045.861.379
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	604.586.138	562.734.647
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.780.298	3.780.298
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>887</b>	<b>1.450</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Không phát sinh

**2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**3. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	35.512.850.879
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

**4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm**

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	32.776.520.284
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-



**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Thông tin về các bên liên quan****1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Chức danh	Năm nay	Năm trước
<b>Tên</b>			
+ Chi phí tiền lương, phụ cấp, thưởng		<b>1.083.034.000</b>	<b>1.348.889.500</b>
- Ông Nguyễn Duy Hải	Giám đốc	408.124.000	
- Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám Đốc	295.526.000	
- Ông Ngô Nhật Minh	Kế toán trưởng	279.384.000	
- Bà Đoàn Thị Thu Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	100.000.000	
+ Thù lao		<b>395.000.000</b>	<b>264.000.000</b>
- Bà Bùi Thị Lưu Hào	Chủ tịch HĐQT	75.000.000	
- Ông Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên HĐQT	60.000.000	
- Bà Đỗ Thị Mai Trang	Thành viên HĐQT	60.000.000	
- Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	
- Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên HĐQT	32.000.000	
- Bà Lê Thị Việt Hoa	Trưởng Ban	51.000.000	
- Ông Trương Quốc Nghĩa	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	
- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	21.000.000	

**Các giao dịch khác**

Cho vay/ mượn tiền

Giao dịch mua bán - Thanh lý khoản hợp tác đầu tư

Năm nay

-

Năm trước

-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Phải thu

Phải trả

Số cuối năm

-

Số đầu năm

-

**1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức**

**Bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	Bên liên quan khác
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực TP.HCM	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Bình Chánh	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Công ty Điện Lực Bình Dương	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Điện Lực Biên Hòa 2 - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Bình Phú	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Củ Chi	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Chợ Lớn	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Gò Vấp	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Học Môn	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Điện Lực Long Khánh - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Điện Lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Điện Lực Nhơn Trạch - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Sài Gòn	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Điện Lực Trảng Bom - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Thuận	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới Điện Phân Phối TP.HCM	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới Điện Cao Thế TP.HCM	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Phú Thọ	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Nam	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Gia Định	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
CN Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Ban Quản Lý Dự Án Điện Lực Miền Nam	Bên liên quan khác
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Lực TP.HCM	Chi nhánh của Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ Phần Sunny Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ô Tô Kim Thanh	Công ty liên doanh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CỎ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:**

<b>Bán hàng</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	12.335.526.159	6.531.661.734
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông	695.150.000	1.360.946.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực TP.HCM	2.354.625.325	5.880.613.488
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Bình Chánh	-	1.068.450.000
Công ty Điện Lực Bình Dương	3.055.215.385	9.545.048.583
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Bình Phú	212.508.000	608.480.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Củ Chi	12.807.931.813	8.493.382.874
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Chợ Lớn	-	44.817.000
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	-	5.310.901.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Gò Vấp	478.100.000	88.146.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Học Môn	4.034.876.000	1.458.274.000
Điện Lực Nhơn Trạch - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	-	6.440.269.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	562.553.000	361.923.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	86.658.000	147.910.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	60.068.000	341.484.000
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới Điện Phân Phối TP.HCM	(3.669.381)	19.818.340.794
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới Điện Cao Thế TP.HCM	(42.194.050)	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Gia Định	328.152.000	-
Công ty Cổ phần Ô Tô Kim Thành	9.195.112.950	8.807.637.090
<b>Cộng</b>	<b>46.160.613.201</b>	<b>76.308.284.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CỎ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mua hàng	Năm nay	Năm trước
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông	203.804.544	268.525.202
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực TP.HCM	-	96.177.883
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Bình Phú	51.099.310	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Học Môn	-	8.123.938
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Sài Gòn	160.367.120	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Phú Thọ	87.373.085	111.553.269
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Nam	-	20.432.426
CN Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Ban Quản Lý Dự Án Điện Lực Miền Nam	5.454.540	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Lực TP.HCM	4.416.777	-
<b>Cộng</b>	<b>512.515.376</b>	<b>504.812.718</b>

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông	20.952.000	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực TP.HCM	-	578.498.106
Công ty Điện Lực Bình Dương	-	3.468.412.516
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Củ Chi	-	457.378.454
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Chợ Lớn	30.461.068	30.461.068
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Học Môn	-	56.273.388
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới Điện Phân Phối TP.HCM	-	8.330.886.892
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới Điện Cao Thế TP.HCM	823.546.007	869.959.461
<b>Cộng</b>	<b>874.959.075</b>	<b>13.791.869.885</b>

**Người mua trả trước**

Người mua trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	1.707.913.948	5.480.405.279
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Học Môn	1.418.504.612	-
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới Điện Phân Phối TP.HCM	516.914.842	-
<b>Cộng</b>	<b>3.643.333.402</b>	<b>5.480.405.279</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CỎ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

<b>Phải thu khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	316.061.200	316.061.200
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Hóc Môn	178.134	178.134
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Sài Gòn	648.974	648.974
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	15.070.193	15.070.193
<b>Cộng</b>	<b>331.958.501</b>	<b>331.958.501</b>

**Trả trước cho người bán**

CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực TP.HCM	20.641.624	20.641.624
CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	23.118.978	23.118.978
<b>Cộng</b>	<b>43.760.602</b>	<b>43.760.602</b>

**Phải trả người bán**

CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Sài Gòn	174.196.490	
<b>Cộng</b>	<b>174.196.490</b>	<b>-</b>

**Phải trả khác**

Công ty Cổ phần Ô Tô Kim Thanh	10.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CỎ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**2 . Báo cáo bộ phận***Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh*

Chỉ tiêu	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây dựng	Bộ phận khác	Không phân bổ	Tổng cộng
<b>Năm 2023</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.554.440.469	26.868.017.556	9.169.940.840		60.592.398.865
Giá vốn hàng bán	19.973.659.915	25.135.576.457	4.292.124.990		49.401.361.362
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	<b>4.580.780.554</b>	<b>1.732.441.099</b>	<b>4.877.815.850</b>		<b>11.191.037.503</b>
Chi phí bán hàng	4.165.564.445				4.165.564.445
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.536.845.491	2.775.873.035	947.393.735		6.260.112.262
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(2.121.629.382)</b>	<b>(1.043.431.936)</b>	<b>3.930.422.115</b>		<b>765.360.797</b>
<b>Các khoản không phân bổ</b>					
Doanh thu hoạt động tài chính				6.746.496.328	6.746.496.328
Chi phí tài chính				2.109.077.477	2.109.077.477
Thu nhập khác				414.272.432	414.272.432
Chi phí khác				726.711.932	726.711.932
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.121.629.382)</b>	<b>(1.043.431.936)</b>	<b>3.930.422.115</b>	<b>4.324.979.351</b>	<b>5.090.340.148</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.132.810.138	1.132.810.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(2.121.629.382)</b>	<b>(1.043.431.936)</b>	<b>3.930.422.115</b>	<b>3.192.169.213</b>	<b>3.957.530.010</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

<b>Năm 2022</b>	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.131.925.985
Giá vốn hàng bán	78.939.394.175
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	<b>17.192.531.810</b>
Chi phí bán hàng	6.667.235.037
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.615.862.840
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.909.433.933</b>
<b>Các khoản không phân bổ</b>	
Doanh thu hoạt động tài chính	5.107.175.539
Chi phí tài chính	1.539.426.242
Thu nhập khác	232.678.823
Chi phí khác	86.002.021
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.623.860.032</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.577.998.653
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.045.861.379</b>

**Báo cáo theo khu vực địa lý**

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**

Số 6 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**3 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**4 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

**5 . Những thông tin khác**

Người lập biểu

**ĐINH THỊ THUÝ**

Kế toán trưởng

**NGÔ NHẬT MINH**

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Giám Đốc



**NGUYỄN DUY HẢI**

